

NHẬN XÉT KẾT QUẢ ỨNG DỤNG KỸ THUẬT MASSAGE VÚ TẠI BỆNH VIỆN PHỤ SẢN TRUNG ƯƠNG NĂM 2024

Nguyễn Thị Trang¹, Cù Thu Hương¹,
Chữ Thị Bích Liên¹, Nguyễn Thị Lành¹, Phạm Trà My¹

TÓM TẮT

Mục tiêu: Đánh giá việc thực hiện kỹ thuật massage vú của nhân viên y tế (NVYT) tại bệnh viện Phụ Sản Trung ương và khảo sát sự hài lòng của sản phụ được thực hiện massage vú. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang đánh giá 14 NVYT thực hiện 100 lượt massage vú bằng bảng kiểm và khảo sát sự hài lòng của 100 sản phụ được thực hiện massage vú tại bệnh viện Phụ Sản Trung ương từ 9/2024 đến 2/2025. **Kết quả:** 100% NVYT thực hiện đầy đủ 11 bước massage vú, 95% sản phụ đánh giá chất lượng dịch vụ ở mức độ từ hài lòng đến rất hài lòng, 1% sản phụ không hài lòng về trang thiết bị, vật tư y tế chưa đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh, 1% sản phụ không hài lòng về chất lượng dịch vụ chưa tương xứng với số tiền chi trả. **Kết luận:** Nhân viên y tế thực hiện đầy đủ và đúng quy trình massage vú. Nhìn chung, mức độ hài lòng của sản phụ về dịch vụ đều tốt. Bệnh viện cần cải thiện về chi phí và trang thiết bị để nâng cao trải nghiệm cho sản phụ.

Từ khóa: massage vú, hài lòng.

SUMMARY

EVALUATION OF THE RESULTS OF APPLYING BREAST MASSAGE TECHNIQUES AT THE NATIONAL HOSPITAL OF OBSTETRICS AND GYNECOLOGY IN 2024

Objective: To evaluate the implementation of the breast massage technique by healthcare workers (HCWs) at the National Hospital of Obstetrics and Gynecology and to survey the satisfaction of patients who undergone breast massage service. **Subjects and Research Methods:** A cross-sectional descriptive study was conducted to assess 14 HCWs performing 100 breast massage sessions using a checklist and to survey the satisfaction of 100 patients who undergone breast massage service at the National Hospital of Obstetrics and Gynecology from September 2024 to February 2025. **Results:** 100% of HCWs fully performed all 11 steps of the breast massage procedure. 95% of patients rated the service quality as satisfactory to very satisfactory. 1% of patients were dissatisfied due to medical equipment and supplies not meeting healthcare needs. 1% of patients were dissatisfied with the service quality, feeling it did not correspond to the cost paid. **Conclusion:** HCWs performed the breast massage

technique completely and correctly according to the procedure. Overall, patients were highly satisfied with the service. The hospital should improve cost structures and medical equipment to enhance the patient experience.

Keywords: breast massage, satisfaction

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Massage vú là một phương pháp hỗ trợ điều trị được ứng dụng rộng rãi trong chăm sóc sức khỏe phụ nữ, đặc biệt là đối với sản phụ sau sinh [1]. Phương pháp này không chỉ giúp kích thích tiết sữa mà còn có thể giúp giảm các triệu chứng tắc nghẽn tuyến sữa, ngăn ngừa viêm vú và cải thiện tâm lý cho sản phụ [2]. Tuy nhiên, hiệu quả của kỹ thuật massage vú phụ thuộc rất lớn vào quy trình thực hiện và kỹ năng của nhân viên y tế từ đó mang lại sự thoải mái và nâng cao mức độ hài lòng của sản phụ.

Trong bối cảnh Bệnh viện Phụ sản Trung ương, nơi có một lượng lớn sản phụ đến thăm khám và điều trị, việc ứng dụng kỹ thuật massage vú trong chăm sóc sau sinh cần được đánh giá kỹ lưỡng. Đặc biệt, các yếu tố như quy trình thực hiện massage vú cũng như sự hài lòng của sản phụ là những yếu tố quan trọng cần được xem xét để nâng cao chất lượng dịch vụ.

Vì vậy, việc nghiên cứu và đánh giá kết quả ứng dụng kỹ thuật massage vú tại Bệnh viện Phụ sản Trung ương năm 2024 sẽ cung cấp cái nhìn sâu sắc về hiệu quả của phương pháp này, từ đó giúp cải thiện quy trình thực hiện và nâng cao mức độ hài lòng của sản phụ. Cụ thể, đề tài tập trung vào hai mục tiêu chính: (1) đánh giá quy trình thực hiện massage vú của nhân viên y tế và (2) khảo sát sự hài lòng của sản phụ đối với dịch vụ massage vú.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu

- Mục tiêu 1: ĐD/HS nữ hiện đang công tác tại khoa Hồi sức cấp cứu (HSCC) được giám sát thực hành massage vú vào khung thời gian sáng/chiều, từ T2 - T6.

- Mục tiêu 2: Sản phụ sinh con bằng phương pháp mổ lấy thai tại bệnh viện Phụ sản Trung ương, nằm điều trị phòng dịch vụ tại khoa HSCC và có chỉ định nuôi con bằng sữa mẹ.

Tiêu chuẩn lựa chọn

- Mục tiêu 1: ĐD/HS nữ đồng ý tham gia

¹Bệnh viện Phụ sản Trung ương

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Thị Trang

Email: nguyenthitrang28101993@gmail.com

Ngày nhận bài: 20.3.2025

Ngày phản biện khoa học: 23.4.2025

Ngày duyệt bài: 29.5.2025

ngiên cứu.

- Mục tiêu 2: Tất cả các sản phụ sau sinh được massage vú và nuôi con bằng sữa mẹ, đồng ý tham gia nghiên cứu.

Tiêu chuẩn loại trừ

- Mục tiêu 1: ĐD nam giới, ĐD/HS nữ không có mặt tại thời điểm giám sát.

- Mục tiêu 2:

+ Sản phụ không nuôi con bằng sữa mẹ.

+ Mặc các bệnh lý sốt, nhiễm trùng, mẹ HIV, suy tim độ 3.

Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

Cỡ mẫu và chọn mẫu

- Mục tiêu 1: Chọn toàn bộ 14 ĐD/HS nữ tại khoa HSCC đủ tiêu chuẩn lựa chọn.

- Mục tiêu 2: Chúng tôi sử dụng công thức ước tính cỡ mẫu cho 1 tỷ lệ:

$$n = Z_{1-\alpha/2}^2 \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó: $Z_{(1-\alpha/2)}^2 = (1,96)^2$ hệ số tin cậy ($\alpha = 0,05$); p: Tỷ lệ hài lòng chung của sản phụ tại Bệnh viện Phụ sản Trung ương ($=0,848$) theo nghiên cứu của Vũ Văn Du và cộng sự khảo sát về thực trạng hài lòng người bệnh điều trị nội trú tại BVPSTW từ năm 2020-2022 [3].

$d = 0,08$ sai số tuyệt đối.

$n =$ Cỡ mẫu nghiên cứu. Từ công thức tính trên, cỡ mẫu tối thiểu tính được là 77 sản phụ. Để loại trừ khả năng mất liên lạc với bệnh nhân hoặc không thu thập đủ số liệu, chúng tôi lấy cỡ mẫu cuối cùng là 100 sản phụ.

Kỹ thuật và công cụ thu thập thông tin

- Mục tiêu 1: Sử dụng bảng kiểm đánh giá các bước thực hiện massage vú gồm 11 bước theo quyết định số 168/QĐ- PSTW về việc ban hành quy trình massage vú của khoa Sản thường [4].

- Mục tiêu 2: Sử dụng bộ câu hỏi khảo sát sự hài lòng của người bệnh điều trị nội trú Theo quyết định 4747/QĐ- BYT 2023 [5].

Đạo đức trong nghiên cứu. Đề tài nghiên cứu được Hội đồng Y đức của Bệnh viện Phụ Sản Trung ương thông qua và cho phép tiến hành tại Bệnh viện. Nghiên cứu viên quan sát NVYT thực hiện massage vú theo quy trình thường quy của bệnh viện và không tiến hành can thiệp điều trị trên bệnh nhân. Các thông tin của người bệnh được mã hóa, giữ bí mật, chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu khoa học.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 1. Đặc điểm chung của nhân viên y tế được đánh giá thực hành massage vú

Thông tin chung	Số lượng (n=14)	Tỷ lệ (%)
-----------------	--------------------	--------------

Nhóm tuổi	Dưới 30 tuổi	7	50,0
	31 – 35 tuổi	4	28,5
	Trên 35 tuổi	3	21,5
	Trung bình (tuổi)	35,5±7,2 (24 – 49)	
Trình độ học vấn	Cao đẳng	3	21,5
	Đại học	8	57,0
	Sau đại học	3	21,5
Số năm công tác	Dưới 10 năm	4	28,4
	11 – 15 năm	5	35,8
	Trên 15 năm	5	35,8
	Trung bình (năm)	11,5±6,9 (2 – 28)	

Trong số 14 NVYT được đánh giá thực hành massage vú, 50% NVYT trong độ tuổi dưới 30, tuổi trung bình của NVYT là 35,5 ± 7,2 (24 – 49). 57,2% NVYT có trình độ học vấn là đại học. Số năm công tác trung bình tại bệnh viện là 11,5 ± 6,9 năm (2 – 28).

Bảng 2. Kết quả thực hành massage vú của NVYT

Các bước thực hiện		Tỷ lệ có thực hiện	
		Số lượng(n)	Tỷ lệ (%)
Bước 1	Chuẩn bị đồ dùng (khăn bông sạch, khăn mềm, nước ấm)	100	100
Bước 2	Tháo bỏ nhẫn, đồ trang sức trên tay	100	100
Bước 3	Rửa sạch tay trước khi massage	100	100
Bước 4	Vệ sinh theo thứ tự: núm vú, quầng vú, bầu vú	100	100
Bước 5	Vệ sinh sạch bầu vú bằng khăn sạch, ấm và ấm	100	100
Bước 6	Massage đầu núm vú	100	100
Bước 7	Massage quầng vú	100	100
Bước 8	Massage bầu vú	100	100
Bước 9	Vắt sữa	100	100
Bước 10	Lắp lại nhiều lần với từng bên vú (tổng thời gian 15-20 phút)	100	100
Bước 11	Cho trẻ bú đúng cách	100	100

Trong 100 lượt quan sát NVYT thực hiện, 100% NVYT thực hiện đầy đủ và đúng 11 bước trong quy trình massage vú.

Bảng 3. Thông tin chung của sản phụ được massage vú

Thông tin chung		Số lượng (n=100)	Tỷ lệ (%)
Nhóm tuổi	Dưới 26 tuổi	18	18
	26 - 30 tuổi	34	34
	31 - 35 tuổi	32	32
	36 - 40 tuổi	11	11
	Trên 40 tuổi	5	5
Trung bình		30,52±5,17 (19-46)	

Trình độ học vấn	Trung học	13	13
	Cao Đẳng	20	20
	Đại học/Sau đại học	67	67
Nơi sống	Thành thị	99	99
	Nông thôn	1	1

Trong 100 sản phụ được thực hiện massage vú, tuổi trung bình của sản phụ là $30,52 \pm 5,17$ tuổi, đa số sản phụ nằm trong nhóm tuổi từ 31 – 35 tuổi (chiếm 34%) và 46 – 40 tuổi (chiếm 32%). Sản phụ có trình độ đại học/sau đại học chiếm 67%, 99% sản phụ ở thành thị.

Bảng 4. Mức độ hài lòng của sản phụ về dịch vụ massage vú

Mức độ hài lòng		Rất không hài lòng	Không hài lòng	Bình thường	Hài lòng	Rất hài lòng
Khả năng tiếp cận dịch vụ	Các sơ đồ, biển báo chỉ dẫn đường đến các khoa, phòng và thông báo giờ khám, chữa bệnh, giờ vào thăm rõ ràng, dễ hiểu.	0%	0%	0%	63%	37%
	Các lối đi trong bệnh viện, hành lang bằng phẳng, an toàn, dễ đi.	0%	0%	0%	59%	41%
	Người bệnh hỏi và gọi được nhân viên y tế khi cần thiết.	0%	0%	0%	40%	60%
Sự minh bạch thông tin và thủ tục khám bệnh, điều trị	Giá dịch vụ y tế được niêm yết, thông báo công khai ở vị trí dễ quan sát, dễ đọc, dễ hiểu và được tư vấn, giải thích các chi phí cao nếu có.	0%	0%	1%	56%	43%
	Được giải thích về tình trạng bệnh, phương pháp và thời gian dự kiến điều trị rõ ràng, đầy đủ.	0%	0%	0%	24%	76%
	Được giải thích, tư vấn trước khi yêu cầu làm các xét nghiệm, thăm dò, kỹ thuật cao rõ ràng, đầy đủ.	0%	0%	0%	27%	73%
	Được công khai và cập nhật thông tin về dùng thuốc và chi phí điều trị.	0%	0%	0%	39%	61%
Cơ sở vật chất và phương tiện phục vụ người bệnh	Buồng bệnh khang trang, sạch sẽ, có đầy đủ các thiết bị điều chỉnh nhiệt độ phù hợp như quạt, máy sưởi, hoặc điều hòa.	0%	0%	1%	30%	69%
	Buồng bệnh yên tĩnh, bảo đảm an toàn, an ninh, trật tự, phòng ngừa trộm cắp, yên tâm khi nằm viện.	0%	0%	4%	36%	60%
	Được cung cấp quần áo đầy đủ, sạch sẽ.	0%	0%	0%	26%	74%
	Được bảo đảm sự riêng tư khi nằm viện như thay quần áo, khám bệnh, đi vệ sinh tại giường... có rèm che, vách ngăn hoặc nằm riêng.	0%	0%	1%	30%	69%
	Môi trường trong khuôn viên bệnh viện xanh, sạch, đẹp.	0%	0%	5%	41%	54%
	Được cung cấp phương tiện vận chuyển nội viện như xe lăn, cáng, xe điện đầy đủ, kịp thời, sử dụng tốt khi có nhu cầu.	0%	0%	0%	28%	72%
Thái độ ứng xử, năng lực chuyên môn của nhân viên y tế	Bác sỹ, điều dưỡng có lời nói, thái độ, giao tiếp đúng mực.	0%	0%	0%	23%	77%
	Được nhân viên y tế tôn trọng, đối xử công bằng, quan tâm, giúp đỡ.	0%	0%	0%	19%	81%
	Bác sỹ, điều dưỡng hợp tác tốt và xử lý công việc thành thạo, kịp thời	0%	0%	0%	19%	81%
	Được bác sỹ thăm khám, động viên tại phòng điều trị.	0%	0%	0%	21%	79%
	Được tư vấn chế độ ăn, vận động, theo dõi và phòng ngừa biến chứng	0%	0%	0%	23%	77%
	Được nhắc lịch tái khám và hướng dẫn thực hành ăn uống, luyện tập, chăm sóc tại nhà trước khi ra viện.	0%	0%	1%	26%	73%
Kết quả cung cấp dịch vụ	Trang thiết bị, vật tư y tế đầy đủ, hiện đại, đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh.	0%	1%	2%	40%	57%
	Kết quả điều trị đáp ứng được nguyện vọng.	0%	0%	1%	41%	58%
	Ông/Bà đánh giá mức độ tin tưởng về chất lượng dịch vụ y tế.	0%	0%	0%	38%	62%
	Ông/Bà cho nhận xét về số tiền chi trả có tương xứng với chất lượng dịch vụ y tế không?	0%	1%	98%	1%	0%

Nhìn chung, ở tất cả 5 khía cạnh khảo sát, 95% sản phụ đánh giá chất lượng dịch vụ ở mức độ từ hài lòng đến rất hài lòng. 1% sản phụ không hài lòng về trang thiết bị, vật tư y tế chưa đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh. 1% sản phụ không hài lòng về chất lượng dịch vụ chưa tương xứng với số tiền chi trả.

IV. BÀN LUẬN

Tại nghiên cứu của chúng tôi, độ tuổi trung bình của ĐD/HS tại khoa HSCC tham gia nghiên cứu là $35,5 \pm 7,2$ tuổi (nhỏ nhất 24 tuổi – lớn nhất 49 tuổi), nhân viên y tế có trình độ từ đại học trở lên chiếm tỷ lệ phần lớn (78,5%) và NVYT có số năm công tác tại bệnh viện trên 10 năm chiếm 71,6%. Đây là mặt bằng chung của bệnh viện Phụ Sản Trung ương, các nhân viên y tế đều là những người có chuyên môn cao và thâm niên lâu đời.

Về đánh giá việc thực hiện kỹ thuật massage vú của nhân viên y tế, theo bảng 2, 100% nhân viên y tế thực hành đúng và đủ 11 bước của kỹ thuật. Kết quả này cho thấy việc thực hành massage vú đúng kỹ thuật không phân biệt độ tuổi, trình độ hay thâm niên công tác của nhân viên y tế. Điều này là do bệnh viện Phụ Sản Trung ương là bệnh viện đầu ngành chăm sóc về sản phụ khoa, do đó, nhân viên y tế tại khoa HSCC nói riêng và nhân viên y tế tại bệnh viện nói chung đều phải tuân thủ đầy đủ các quy trình kỹ thuật để đảm bảo an toàn người bệnh cũng như để đạt hiệu quả điều trị cao nhất. Đối với bước thực hiện cuối cùng, 100% sản phụ sau khi được hướng dẫn đã thực hiện đúng việc cho con bú đúng cách.

Về thông tin chung của các sản phụ được massage vú, 66% sản phụ nằm trong nhóm tuổi từ 26 đến 35 tuổi, 67% sản phụ có trình độ học vấn từ đại học và 99% sản phụ ở thành thị. Có thể thấy các sản phụ lựa chọn dịch vụ massage vú chủ yếu có trình độ học vấn cao và đến từ thành thị nên đã có chuẩn bị trước về tâm lý cũng như kiến thức chăm sóc cho bản thân sau sinh. Theo nghiên cứu của Nguyễn Bích Huệ (2024), tỷ lệ sản phụ đạt mức kiến thức tốt về mát xa vú chiếm 83,3% [6]. Việc kích thích sữa về còn giúp tử cung co bóp đẩy sản dịch ra nhanh hơn. Đối với các sản phụ có chỉ định mổ lấy thai, việc massage vú lại càng quan trọng hơn vì kích thích sữa về nhanh hơn [7].

Về mức độ hài lòng của sản phụ về dịch vụ massage vú, nghiên cứu của chúng tôi đánh giá bằng bộ câu hỏi gồm 23 câu, chia làm 5 phần: Khả năng tiếp cận dịch vụ, sự minh bạch thông tin và thủ tục khám bệnh, điều trị; cơ sở

vật hất và phương tiện phục vụ người bệnh; thái độ ứng xử, năng lực chuyên môn của nhân viên y tế và kết quả cung cấp dịch vụ. Nhìn chung, qua khảo sát 100 sản phụ được thực hiện massage vú, 95% sản phụ đánh giá chất lượng dịch vụ ở mức độ từ hài lòng đến rất hài lòng ở tất cả các khía cạnh.

Về khả năng tiếp cận dịch vụ, 100% sản phụ đánh giá từ mức độ hài lòng đến rất hài lòng. Trong đó, 60% sản phụ rất hài lòng với sự hỗ trợ của nhân viên y tế khi được hỏi và yêu cầu sự hỗ trợ, điều này cho thấy nhân viên y tế có sự quan tâm, chăm sóc sát sao đối với người bệnh.

Về sự minh bạch thông tin và thủ tục khám bệnh, điều trị, các sản phụ và cơ sở vật chất – phương tiện phục vụ người bệnh đều đánh giá mức độ hài lòng rất cao về phần này. Tuy nhiên, có 1% sản phụ cảm thấy giá dịch vụ y tế chưa được niêm yết, thông báo công khai ở vị trí dễ quan sát và đánh giá độ hài lòng ở mức độ bình thường. Việc minh bạch thông tin và thủ tục khám bệnh, điều trị là một trong những tiêu chí bắt buộc trong nâng cao chất lượng bệnh viện. Bệnh viện cần cải thiện tiêu chí này để người bệnh có thể nắm bắt rõ ràng hơn về chi phí cũng như thủ tục khám, chữa bệnh.

Về thái độ ứng xử, năng lực chuyên môn của nhân viên y tế, 100% sản phụ đánh giá ở mức hài lòng và rất hài lòng về tiêu chí này. Các sản phụ phần lớn đều cảm thấy rất hài lòng (trên 77%) về lời nói, thái độ, tư vấn chế độ ăn, vận động, được thăm khám và sự tôn trọng của nhân viên y tế đối với mình.

Về kết quả cung cấp dịch vụ, 99% sản phụ hài lòng về kết quả điều trị. Như vậy, kỹ thuật massage vú thực sự có hiệu quả đáp ứng mong đợi của bệnh nhân. Tuy nhiên, có 1% sản phụ cảm thấy không hài lòng về trang thiết bị, vật tư y tế chưa đáp ứng được nhu cầu khám chữa bệnh. Điều này có thể là do tại thời điểm nghiên cứu, các trang thiết bị chưa được đầu tư kịp thời, phục vụ người bệnh tốt nhất. Ngoài ra, cũng có 1% sản phụ cảm thấy không hài lòng về số tiền chi trả chưa tương xứng với chất lượng dịch vụ. Đây là điểm mà bệnh viện cần cải thiện để nâng cao chất lượng dịch vụ, từ đó đáp ứng được nhu cầu người bệnh.

V. KẾT LUẬN

Nhân viên y tế thực hiện đầy đủ và đúng quy trình massage vú. Nhìn chung, mức độ hài lòng của sản phụ về dịch vụ đều tốt. Bệnh viện cần cải thiện về chi phí và trang thiết bị để nâng cao trải nghiệm cho sản phụ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **WHO, UNICEF** (2018). Protecting, promoting and supporting Breastfeeding in facilities providing maternity and newborn services: the revised BABY-FRIENDLY HOSPITAL INITIATIVE.
2. **Kremer KP, Kremer TR** (1 January 2018). Breastfeeding Is Associated with Decreased Childhood Maltreatment. *Breastfeeding Medicine*. 13 (1): 18–22.
3. **Vũ Văn Du, Phùng Thị Huyền, Lê Liên Phương, Lê Thị Ngọc Hương** (2023). Thực trạng hải lòng của người bệnh điều trị nội trú tại Bệnh viện Phụ sản Trung ương năm 2020 – 2022. *Tạp Chí Nghiên cứu Y học*, 172(11), 217–223. <https://doi.org/10.52852/tcncyh.v172i11.1947>.
4. **Bệnh viện Phụ sản Trung Ương**, Quyết định số 168/QĐ-PSTW ngày 17/02/2022 về việc ban hành 03 quy trình của khoa Sản thường.
5. **Bộ Y tế** (2016). Thông tư số 38/2016/TT-BYT ngày 31/10/2016 của Bộ Y tế “Quy định một số biện pháp thúc đẩy việc nuôi con bằng sữa mẹ tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh”.
6. **Nguyễn Bích Huệ** (2024), Thực trạng kiến thức và thực hành mắt xa vú của sản phụ sau phẫu thuật lấy thai tại bệnh viện trung ương Thái Nguyên. *Đại học Y Hà Nội*.
7. **Cornall D** (June 2011). A review of the breastfeeding literature relevant to osteopathic practice;. *International Journal of Osteopathic Medicine*. 14 (2): 61–66.

TÁC DỤNG CỦA PHƯƠNG PHÁP ĐIỆN CHÂM KẾT HỢP BỘT NGÂM TRỊ TRÊN BỆNH NHÂN SAU MỔ TRĨ TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN HÀ NỘI

Lê Trung Kiên¹, Tạ Văn Bình²

TÓM TẮT

Mục tiêu: Đánh giá tác dụng điều trị rối loạn hậu phẫu của phương pháp điện châm kết hợp Bột ngâm trĩ trên bệnh nhân sau mổ trĩ bằng phương pháp khâu treo và triệt mạch trĩ tại Bệnh viện Đa khoa Y học cổ truyền Hà Nội. **Phương pháp:** Nghiên cứu lâm sàng tiến cứu có đối chứng, so sánh trước và sau can thiệp. 60 bệnh nhân được chia thành 2 nhóm: nhóm nghiên cứu được điều trị bằng điện châm kết hợp Bột ngâm trĩ, nhóm đối chứng được sử dụng thuốc giảm đau kết hợp rửa Betadine. **Kết quả:** Sau 7 ngày điều trị, nhóm nghiên cứu có mức độ đau thấp hơn nhóm đối chứng tại các thời điểm sau 6 giờ và sau 12 giờ ($p < 0,05$). Mức độ đau khi đại tiện lần đầu ở nhóm nghiên cứu cũng giảm hơn so với nhóm đối chứng ($p < 0,05$). Tỷ lệ cầm máu, giảm rỉ ướt và giảm sưng nề của nhóm nghiên cứu tốt hơn nhóm sử dụng thuốc giảm đau kết hợp rửa Betadine ($p < 0,05$). Nhóm nghiên cứu có 86,7% bệnh nhân đạt hiệu quả điều trị mức tốt, cao hơn so với nhóm đối chứng có 63,3% ($p < 0,05$). **Kết luận:** Điện châm kết hợp Bột ngâm trĩ có hiệu quả tốt hơn nhóm sử dụng thuốc giảm đau kết hợp rửa Betadine trong điều trị rối loạn hậu phẫu ở bệnh nhân sau mổ trĩ. **Từ khóa:** Điện châm, Bột ngâm trĩ, Bệnh nhân sau mổ trĩ, Rối loạn hậu phẫu.

SUMMARY

EFFECT OF ELECTROACUPUNCTURE COMBINED WITH BOT NGAM TRI ON POSTOPERATIVE HEMORRHOID PATIENTS AT HANOI GENERAL

¹Bệnh viện Đa khoa Y học Cổ truyền Hà Nội

²Trường Đại học Y Hà Nội

Chịu trách nhiệm chính: Tạ Văn Bình

Email: tavanbinh@hmu.edu.vn

Ngày nhận bài: 20.3.2025

Ngày phản biện khoa học: 24.4.2025

Ngày duyệt bài: 28.5.2025

HOSPITAL OF TRADITIONAL MEDICINE

Objective: To evaluate the therapeutic effect of electroacupuncture combined with Bot ngam tri in the management of postoperative disorders in patients undergoing hemorrhoidectomy using Transanal Hemorrhoidal Dearterialization (THD) at Hanoi General Hospital of Traditional Medicine. **Methods:** A prospective, controlled clinical trial with a pre- and post-intervention comparison design was conducted. Sixty patients were randomly assigned to two groups: the study group was treated with electroacupuncture combined with Bot ngam tri, while the control group was treated with analgesics and Betadine. **Results:** After seven days of treatment, the study group exhibited significantly lower pain levels than the control group at 6 hours and 12 hours post-treatment ($p < 0.05$). Pain intensity during the first defecation was also reduced in the study group compared to the control group ($p < 0.05$). The study group demonstrated better outcomes in hemostasis, reduction of exudation, and swelling compared to the control group ($p < 0.05$). The study group had 86.7% of patients achieving good treatment outcomes, higher than the 63.3% observed in the control group ($p < 0.05$). **Conclusion:** Electroacupuncture combined with Bot ngam tri was more effective than analgesics combined with Betadine in managing postoperative disorders in patients after hemorrhoidectomy surgery.

Keywords: Electroacupuncture, Bot ngam tri, Postoperative Hemorrhoid Patients, Postoperative Disorders.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Bệnh trĩ là một bệnh lý lành tính ở vùng hậu môn – trực tràng. Tỷ lệ mắc bệnh trĩ trên toàn thế giới dao động từ 4–35% dân số [5]. Tại Việt Nam, tỷ lệ mắc bệnh trĩ dao động từ 35–50% [2]. Bệnh trĩ tuy không nguy hiểm đến tính mạng nhưng gây ra những khó chịu về thể chất, tâm